

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP HAPULICO

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	La Quý Hưng	Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật
Ông	Phạm Đức Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Lê Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Tô Thị Thúy Hồng	Kế toán trưởng

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. HCM ("AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hưng Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



La Quý Hưng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

Auditing And Informatic Services Company Limited

Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines)

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn



Số: A181191-R/BCKT-AISHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP HAPULICO**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2019, từ trang 5 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến vấn đề được thuyết minh tại mục (*) của thuyết minh số V.6 liên quan đến công trình Hệ thống chiếu sáng đường Nghi Tâm - Âu Cơ - An Dương Vương. Đơn vị đã lắp đặt xong từ năm 2010 nhưng đến nay Chủ đầu tư vẫn chưa quyết toán và chưa có phản hồi giải quyết vấn đề tồn đọng này.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Đào Tiến Đạt

Số Giấy CNĐKHNKT: 0078-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

Vũ Khắc Chuyển

Số Giấy CNĐKHNKT: 0160-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93.777.882.026	83.790.863.522
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.160.827.690	20.753.085.669
1. Tiền	111		12.575.706.035	7.707.355.445
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.585.121.655	13.045.730.224
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	7.455.305.909	0
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7.455.305.909	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.408.530.430	3.864.520.694
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.920.849.902	3.105.805.775
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	294.147.537	702.086.365
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	311.435.991	150.796.054
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3b	(117.903.000)	(94.167.500)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	63.546.803.790	58.967.003.530
1. Hàng tồn kho	141		63.546.803.790	58.967.003.530
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		206.414.207	206.253.629
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	72.373.606	162.693.582
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		119.226.433	43.560.047
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8b	14.814.168	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52.933.667.320	58.407.491.875
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		29.192.417.202	34.583.208.407
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	29.127.015.668	34.473.108.169
- Nguyên giá	222		77.687.403.219	77.364.403.219
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.560.387.551)	(42.891.295.050)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	65.401.534	110.100.238
- Nguyên giá	228		486.321.950	486.321.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(420.920.416)	(376.221.712)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	753.282.820	753.282.820
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		753.282.820	753.282.820
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	19.138.461.125	19.138.461.125
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		19.138.461.125	19.138.461.125
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.849.506.173	3.932.539.523
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	3.849.506.173	3.932.539.523
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		146.711.549.346	142.198.355.397

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		33.272.967.448	27.852.713.031
I. Nợ ngắn hạn	310		33.272.967.448	27.852.713.031
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.13a	9.401.213.658	6.929.989.571
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	11.655.050.949	7.577.529.817
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8a	907.598.023	1.994.670.985
4. Phải trả người lao động	314		4.209.607.580	4.377.389.288
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	835.570.802	807.462.339
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.263.926.436	6.165.671.031
II. Nợ dài hạn	330		0	0
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		113.438.581.898	114.345.642.366
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	113.438.581.898	114.345.642.366
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		58.074.170.000	58.074.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		58.074.170.000	58.074.170.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.791.576.000	5.791.576.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.226.215.362	39.461.130.330
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.346.620.536	11.018.766.036
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.606.900.430	3.299.382.126
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.739.720.106	7.719.383.910
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		146.711.549.346	142.198.355.397

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Oanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Tô Thị Thúy Hồng



Hưng Yên, ngày 25 tháng 3 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC



La Quý Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	133.682.423.667	138.768.783.342
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	133.682.423.667	138.768.783.342
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	119.288.557.635	117.203.530.832
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14.393.866.032	21.565.252.510
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	935.635.343	1.193.425.075
6. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.228.753	8.213.072
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.228.753	7.723.566
7. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	591.976.930	909.178.176
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	11.257.724.398	10.736.492.075
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		3.477.571.294	11.104.794.262
10. Thu nhập khác	31	VI.7	31.500	3.250.084
11. Chi phí khác	32	VI.8	63.242.802	24.825.935
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(63.211.302)	(21.575.851)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.414.359.992	11.083.218.411
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	674.639.886	2.257.793.251
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.739.720.106	8.825.425.160
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	471,76	1.291,73
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	471,76	1.291,73

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Oanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Tô Thị Thúy Hồng

Hưng Yên, ngày 25 tháng 3 năm 2019



TỔNG GIÁM ĐỐC



La Quý Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		149.313.150.339	145.911.252.962
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(113.855.794.328)	(128.241.455.253)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(21.711.020.578)	(21.301.853.503)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(2.228.753)	(7.723.566)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.504.131.747)	(1.811.345.398)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		100.675.715	226.459.389
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(6.579.206.431)	(5.599.197.811)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.761.444.217	(10.823.863.180)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(355.300.000)	(222.650.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.455.305.909)	0
3. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		777.931.651	1.193.425.075
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.032.674.258)	970.775.075
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		342.379.950	0
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(342.379.950)	(1.793.860.432)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.322.966.800)	(3.484.450.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.322.966.800)	(5.278.310.632)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(3.594.196.841)	(15.131.398.737)
Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ	60		20.753.085.669	35.884.973.912
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.938.862	(489.506)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	17.160.827.690	20.753.085.669

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Oanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Tô Thị Thúy Hồng

Hung Yên, ngày 25 tháng 3 năm 2019



TỔNG GIÁM ĐỐC



La Quý Hưng